

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 41
8. Phụ lục	42

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259296, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 26 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : +84 (0251) 384 3316
- Fax : +84 (0251) 384 7149

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Quản lý ghi thu	48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Biên Hòa	48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Long Bình	Tổ 8, Khu phố 9, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Thiện Tân	329 đường Nhà máy nước Thiện Tân, Tổ 2, Khu phố 10, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Nhơn Trạch	327 đường Nhà máy nước Thiện Tân, Tổ 2, Khu phố 10, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Vĩnh An	Tổ 1, Khu phố 1, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Xuân Lộc	Tổ 1, Khu 7, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Tân Định	775 Quốc lộ 20, Khu 7, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Thạnh Phú	119 ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Long Thành	113 Lê Duẩn, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai;
- Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15 mm đến 100 mm (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước;
- Kinh doanh khách sạn;
- Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước;
- Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Thiết kế công trình thoát nước; Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp thoát nước; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư; Giám sát thi công công trình dân dụng-công nghiệp; Lập hồ sơ mời thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Quyết toán các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án đầu tư; Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán - tổng dự toán; Thẩm định kết quả đầu thầu;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Điều hành tour du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình dân dụng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thiên	Phó Chủ tịch
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Võ Văn Bình	Thành viên
Ông Trần Trung Chiến	Thành viên (đã có đơn xin miễn nhiệm thành viên HĐQT kể từ ngày 20/5/2022)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng ban (bổ nhiệm kể từ ngày 19/4/2022)
Ông Nguyễn Công Hiếu	Trưởng ban (miễn nhiệm kể từ ngày 19/4/2022)
Bà Tăng Tố Vân	Thành viên
Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà Phạm Thị Hồng	Giám đốc
Ông Đặng Văn Chất	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Hà	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc (bổ nhiệm kể từ ngày 01/11/2022)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Hồng – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2023



Số: 1.0537/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C


Nguyễn Minh Trí
Thành viên Ban Giám đốcSố Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2023-008-1
Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2023


Nguyễn Hoàng Yến
Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		641.171.344.903	710.119.791.548
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	56.318.218.540	254.191.905.361
1. Tiền	111		48.297.259.636	81.191.905.361
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.020.958.904	173.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		474.433.646.669	316.608.705.892
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	474.433.646.669	316.608.705.892
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.687.046.723	83.568.296.375
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	45.950.152.333	59.313.779.729
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.439.535.234	16.764.695.375
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	14.773.867.719	10.790.772.934
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.476.508.563)	(3.300.951.663)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		45.030.807.050	51.142.832.910
1. Hàng tồn kho	141	V.7	45.030.807.050	51.142.832.910
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.701.625.921	4.608.051.010
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	203.810.833	297.634.387
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.326.320.418	3.735.396.590
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	171.494.670	575.020.033
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.894.399.988.690	3.061.193.420.475
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.687.971.748.859	2.846.745.415.304
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.396.250.012.319	2.547.513.875.598
- Nguyên giá	222		5.149.107.569.310	4.988.797.536.485
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.752.857.556.991)	(2.441.283.660.887)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	291.721.736.540	299.231.539.706
- Nguyên giá	228		356.533.750.291	356.533.750.291
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.812.013.751)	(57.302.210.585)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	821.965.649	872.756.069
- Nguyên giá	231		1.269.760.507	1.269.760.507
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(447.794.858)	(397.004.438)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		150.250.072.811	155.086.316.974
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	150.250.072.811	155.086.316.974
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		49.830.821.340	50.450.184.157
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	46.761.098.850	47.380.461.667
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	3.069.722.490	3.069.722.490
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.525.380.031	8.038.747.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.525.380.031	8.038.747.971
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.535.571.333.593	3.771.313.212.023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.336.524.650.222	1.726.711.778.809
I. Nợ ngắn hạn	310		456.254.208.597	599.829.014.414
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	65.573.945.826	57.659.525.874
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14a	12.192.826.898	12.472.716.071
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	11.705.334.118	20.070.910.927
4. Phải trả người lao động	314	V.16	43.841.188.167	62.789.242.522
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	14.057.995.097	13.038.903.023
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	11.955.335.381	11.893.758.223
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	249.751.593.647	391.763.636.204
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	-	940.190.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	47.175.989.463	29.200.131.570
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		880.270.441.625	1.126.882.764.395
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.14b	6.669.755.089	6.669.755.089
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	1.922.250.000	2.888.609.664
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	871.678.436.536	1.117.324.399.642
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

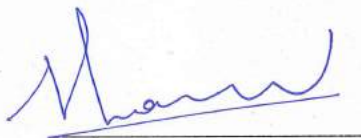
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.199.046.683.371	2.044.601.433.214
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.199.046.683.371	2.044.601.433.214
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	118.520.157.819	118.520.157.819
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.22	26.218.693.500	26.218.693.500
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.22	(64.235.766.100)	(64.235.766.100)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	162.805.945.789	121.215.711.275
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	640.762.086.408	531.421.429.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		312.179.242.178	531.421.429.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		328.582.844.230	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	114.975.565.955	111.461.206.962
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.535.571.333.593	3.771.313.212.023

Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2023


Trần Hoàng Anh Phương
 Người lập


Nguyễn Thu Oanh
 Kế toán trưởng


Phạm Thị Hồng
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.216.614.972.251	1.155.796.335.808
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	4.955.700
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.216.614.972.251	1.155.791.380.108
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	776.510.993.175	699.335.700.058
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		440.103.979.076	456.455.680.050
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	137.019.344.341	144.622.353.767
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	38.252.495.354	44.502.854.963
Trong đó: chi phí lãi vay	23		37.485.609.881	44.481.599.712
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	(5.603.062.817)	(4.913.370.489)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	68.303.989.402	65.699.974.682
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	66.583.115.974	62.355.070.919
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		398.380.659.870	423.606.762.764
12. Thu nhập khác	31	VI.7	7.490.756.179	11.107.770.463
13. Chi phí khác	32	VI.8	4.212.768.648	3.653.280.494
14. Lợi nhuận khác	40		3.277.987.531	7.454.489.969
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		401.658.647.401	431.061.252.733
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	23.160.874.609	24.329.923.446
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	19.874.063
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>378.497.772.792</u>	<u>406.711.455.224</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		366.021.760.068	391.587.102.835
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		12.476.012.724	15.124.352.389
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.745</u>	<u>3.095</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>2.745</u>	<u>3.095</u>


Trần Hoàng Anh Phương
Người lập

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Phạm Thị Hồng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		401.658.647.401	431.061.252.733
2. Điều chỉnh cho các khoản:		V.9;		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10; V.11	321.031.435.017	276.254.122.605
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.20	(764.633.100)	1.617.935.379
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(109.593.872.630)	(126.494.266.726)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b; VI.3, VI.8	(20.231.835.215)	(10.464.067.008)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	37.485.609.881	44.481.599.712
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		629.585.351.354	616.456.576.695
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.147.352.921	(6.250.173.275)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.112.025.860	(12.713.077.338)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(22.107.144.856)	2.748.481.298
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.607.191.494	13.855.359.545
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17; VI.4	(39.472.009.535)	(47.032.625.120)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(24.321.557.110)	(7.804.205.840)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.21	21.605.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21; V.22a	(18.553.256.182)	(12.576.045.657)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		552.019.558.946	546.684.290.308
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4; V.9 V.12; V.13	(143.869.558.288)	(94.471.318.669)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9; VI.8	2.727.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(608.000.000.000)	(285.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	450.500.000.000	39.546.378.100
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(6.250.000.000)	(18.750.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2a; V.5; VI.3	22.221.508.282	13.887.553.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(285.395.322.733)	(345.287.387.368)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	300.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	324.275.680.369	426.978.136.389
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(601.297.529.978)	(656.088.722.157)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18a, V.22	(187.476.073.425)	(127.349.859.110)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(464.497.923.034)</i>	<i>(56.460.444.878)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(197.873.686.821)	144.936.458.062
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	254.191.905.361	109.266.207.775
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(10.760.476)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	56.318.218.540	254.191.905.361

Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2023


Trần Hoàng Anh Phương
Người lập

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởngPhạm Thị Hồng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; Phân phối nước sạch	52,44%	52,44%	52,44%	52,44%
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	02 bis Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; Phân phối nước sạch	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	52 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Khai thác nước phục vụ công nghiệp; Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (*)	Đường Gia Tân 1, ấp Dốc Mơ 3, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch	14,93%	25,00%	14,93%	25,00%

(*) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân ít hơn 20% nhưng Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể thông qua quyền được bổ nhiệm 02 trong số 05 thành viên Hội đồng quản trị của công ty này. Do vậy khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài hợp nhất.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.031 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.043 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng

Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 03 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 – 40

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 20 – 49 năm.

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 25 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 – 10 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà xưởng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của nhà xưởng là 25 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ. Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó ở Tập đoàn. Chênh lệch đánh giá lại tài sản này không phản ánh số chênh lệch đánh giá lại khi đưa tài sản đi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác hoặc thay đổi hình thức sở hữu.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	363.952.338	428.331.106
Tiền gửi ngân hàng	47.933.307.298	80.763.574.255
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	8.020.958.904	173.000.000.000
Cộng	56.318.218.540	254.191.905.361

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc trong năm là 324.940.777 VND.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	7.800.368.003	10.437.937.515	18.238.305.518	7.800.368.003	8.681.645.812	16.482.013.815
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân ⁽¹⁾	50.000.000.000	(21.477.206.668)	28.522.793.332	43.750.000.000	(12.851.552.148)	30.898.447.852
Cộng	57.800.368.003	(11.039.269.153)	46.761.098.850	51.550.368.003	(4.169.906.336)	47.380.461.667

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Trong năm Tập đoàn đã mua thêm 625.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân với giá mua là 6.250.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 5.000.000 cổ phiếu, tương đương 14,93% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (số đầu năm là 4.375.000 cổ phiếu, tương đương 25% vốn điều lệ). Tuy nhiên, đến thời điểm cuối năm tài chính Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân chưa thực hiện thay đổi vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính là 335.000.000.000 VND.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức được chia trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	16.482.013.815	-	3.022.591.703	(1.266.300.000)	18.238.305.518
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	30.898.447.852	6.250.000.000	(8.625.654.520)	-	28.522.793.332
Cộng	47.380.461.667	6.250.000.000	(5.603.062.817)	(1.266.300.000)	46.761.098.850

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	1.090.900
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.107.471	323.245.356
Chi phí dịch vụ	7.875.683.933	2.773.868.712
Cổ tức được chia	1.266.300.000	1.013.040.000

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.039.722.490	-	2.489.262.000	1.039.722.490	-	6.460.680.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	2.030.000.000	-	3.000.000.000	2.030.000.000	-	2.830.000.000
Cộng	3.069.722.490	-	5.489.262.000	3.069.722.490	-	9.290.680.000

Giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAIĐịa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	404.042.131	829.895.595
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	390.844.304	293.508.224
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	5.422.250	505.523.278
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	3.385.600	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	2.354.625	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	1.336.300	185.150
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	699.052	-
Công ty cổ phần Sonadezi An Bình	-	20.898.942
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	-	4.600.035
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	-	2.879.976
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	-	1.199.990
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	-	1.100.000
Phải thu các khách hàng khác	45.546.110.202	58.483.884.134
Cộng	45.950.152.333	59.313.779.729

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	798.699.757
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	-	798.699.757
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	4.439.535.234	15.965.995.618
Công ty Cổ phần Xây Dựng Vận Tải 68	1.045.265.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Thiết bị Ngành nước	-	4.973.677.900
Công ty Cổ phần Khoan và Xây lắp Cấp thoát nước	-	4.651.582.585
Công ty TNHH Kỹ thuật Dohwa	-	2.031.000.000
Các nhà cung cấp khác	3.394.270.234	4.309.735.133
Cộng	4.439.535.234	16.764.695.375

Số dư khoản trả trước cho người bán liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản là 3.210.406.561 VND (số đầu năm là 12.145.880.806 VND).

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu liên quan đến Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1	4.016.570.551	-	4.016.570.551	-
Tạm ứng	1.394.570.280	-	959.919.368	-
Các khoản bảo hiểm bắt buộc trích theo lương	1.117.838.245	-	992.926.532	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	6.548.932.115	-	3.250.699.236	-
Khoản đặt cọc ngắn hạn	315.000.000	-	240.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.380.956.528	-	1.330.657.247	-
Cộng	14.773.867.719	-	10.790.772.934	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ xấu

Tập đoàn có các khoản nợ xấu của các khách hàng nợ tiền nước và nợ khác với thời gian quá hạn từ 06 tháng trở lên với tổng giá trị các khoản nợ xấu là 4.616.405.175 VND (số đầu năm là 4.839.503.314 VND).

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.300.951.663)	(2.623.206.284)
Trích lập dự phòng bổ sung	(175.556.900)	(677.745.379)
Số cuối năm	(3.476.508.563)	(3.300.951.663)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	39.408.163.837	-	40.494.523.187	-
Công cụ, dụng cụ	161.558.172	-	164.873.400	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.420.826.522	-	10.324.704.153	-
Hàng hóa	40.258.519	-	158.732.170	-
Cộng	45.030.807.050	-	51.142.832.910	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.091.663	72.095.998
Chi phí bảo hiểm	182.977.955	-
Chi phí sửa chữa	18.741.215	225.538.389
Cộng	203.810.833	297.634.387

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	4.377.259.003	6.262.098.633
Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng	-	142.335.387
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.148.121.028	1.634.313.951
Cộng	5.525.380.031	8.038.747.971

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	999.438.412.799	1.166.936.485.308	2.762.859.468.738	51.662.654.592	7.900.515.048	4.988.797.536.485
Mua trong năm	-	1.625.092.906	-	-	-	1.625.092.906
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.292.727	17.735.706.352	142.852.397.346	-	-	160.594.396.425
Thanh lý	(1.353.148.362)	(496.998.744)	-	(59.309.400)	-	(1.909.456.506)
Số cuối năm	998.091.557.164	1.185.800.285.822	2.905.711.866.084	51.603.345.192	7.900.515.048	5.149.107.569.310
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	288.400.751.571	324.839.061.619	271.827.775.913	8.559.397.192	6.478.606.270	900.105.592.565
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	512.829.322.756	711.949.813.932	1.162.131.252.749	47.446.864.711	6.926.406.739	2.441.283.660.887
Khấu hao trong năm	39.722.422.843	108.776.113.654	161.417.801.656	3.243.025.813	311.477.465	313.470.841.431
Thanh lý	(1.353.148.362)	(484.487.565)	-	(59.309.400)	-	(1.896.945.327)
Số cuối năm	551.198.597.237	820.241.440.021	1.323.549.054.405	50.630.581.124	7.237.884.204	2.752.857.556.991

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	486.609.090.043	454.986.671.376	1.600.728.215.989	4.215.789.881	974.108.309	2.547.513.875.598
Số cuối năm	446.892.959.927	365.558.845.801	1.582.162.811.679	972.764.068	662.630.844	2.396.250.012.319
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 903.603.108.181 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (xem thuyết minh số V.19).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí quy hoạch bản đồ	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	350.929.202.176	2.814.843.027	2.789.705.088	356.533.750.291
Số cuối năm	350.929.202.176	2.814.843.027	2.789.705.088	356.533.750.291
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	150.000.000	1.274.564.000	2.029.705.088	3.454.269.088
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	53.168.912.684	1.772.087.913	2.361.209.988	57.302.210.585
Khấu hao trong năm	7.255.724.676	61.611.160	192.467.330	7.509.803.166
Số cuối năm	60.424.637.360	1.833.699.073	2.553.677.318	64.812.013.751
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	297.760.289.492	1.042.755.114	428.495.100	299.231.539.706
Số cuối năm	290.504.564.816	981.143.954	236.027.770	291.721.736.540
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 283.675.926.672 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.19b).

11. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.269.760.507	397.004.438	872.756.069
Khấu hao trong năm		50.790.420	
Số cuối năm	1.269.760.507	447.794.858	821.965.649
Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:			
	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà máy nước đóng chai tinh khiết	1.184.375.308	418.479.301	765.896.007
Kho tại giếng số 7	85.385.199	29.315.557	56.069.642
Cộng	1.269.760.507	447.794.858	821.965.649

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.902.563	3.880.556	-	-	5.783.119
Xây dựng cơ bản dở dang	149.759.821.229	143.311.597.119	(145.923.115.689)	(197.362.506)	146.950.940.153
• Dự án Nhơn Trạch giai đoạn 1	21.018.104.772	-	-	-	21.018.104.772
• Dự án Nhơn Trạch giai đoạn 2	84.618.630.637	1.695.092.313	-	-	86.313.722.950
• Dự án TOCN HDPE D300 từ ngã tư Vũng Tàu về Biên Hòa	16.617.077.199	2.329.406.592	(18.946.483.791)	-	-
• Dự án Thiện Tân giai đoạn 2	15.217.210.954	5.273.307.461	-	-	20.490.518.415
• Các dự án khác	12.288.797.667	134.013.790.753	(126.976.631.898)	(197.362.506)	19.128.594.016
Sửa chữa lớn tài sản cố định	5.324.593.182	12.821.823.056	(14.671.280.736)	(181.785.963)	3.293.349.539
Cộng	155.086.316.974	156.137.300.731	(160.594.396.425)	(379.148.469)	150.250.072.811

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	7.944.708.684	9.576.476.681
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	7.565.066.683	4.791.468.554
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	322.212.001	1.148.590.873
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	57.430.000	3.615.923.254
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	-	20.494.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	57.629.237.142	48.083.049.193
Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ cao HTC	7.730.352.015	-
Công ty Cổ phần DNP Holding	6.859.708.901	8.618.353.106
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ – Kỹ thuật Đức Hùng	5.549.554.477	-
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	5.440.907.700	5.551.572.400
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	4.083.561.011	6.200.620.099
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	3.044.766.840	2.034.143.056
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 4	1.683.821.739	6.597.303.264
Các nhà cung cấp khác	23.236.564.459	19.081.057.268
Cộng	65.573.945.826	57.659.525.874

Số dư khoản phải trả người bán liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản là 23.779.025.953 VND (số đầu năm là 19.200.813.318 VND).

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước**14a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của bên liên quan	-	19.386.802
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	-	19.386.802
Trả trước của các khách hàng khác	12.192.826.898	12.453.329.269
Cộng	12.192.826.898	12.472.716.071

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14b. Người mua trả tiền trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	2.000.000.000	2.000.000.000
<i>Trả trước của khách hàng khác</i>	4.669.755.089	4.669.755.089
Công ty Cổ phần Đô thị Amata Long Thành	4.669.755.089	4.669.755.089
Cộng	6.669.755.089	6.669.755.089

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	302.797.115	-	25.594.153.984	(26.068.445.769)	-	171.494.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.306.884.687	575.020.033	23.160.874.609	(24.321.557.110)	6.571.182.153	-
Thuế thu nhập cá nhân	748.567.409	-	2.886.077.079	(3.497.917.584)	136.726.904	-
Thuế tài nguyên	778.050.273	-	9.495.376.127	(9.512.997.582)	760.428.818	-
Thuế nhà đất	433.418.091	-	514.817.831	(947.021.975)	1.213.947	-
Tiền thuế đất	5.649.199.823	-	481.013.328	(6.130.213.151)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	(11.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.851.993.529	-	54.841.372.988	(54.457.584.221)	4.235.782.296	-
Cộng	20.070.910.927	575.020.033	116.984.685.946	(124.946.737.392)	11.705.334.118	171.494.670

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

• Dịch vụ lắp đặt công trình từ nguồn kinh phí cộng đồng	Không chịu thuế
• Dịch vụ cấp nước cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất	0%
• Dịch vụ cấp nước cho các đối tượng khác	5%
• Các dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn xác định thuộc đối tượng hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, đáp ứng tiêu chí về cơ sở xã hội hóa theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Trước khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp Tập đoàn chưa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo lĩnh vực ưu đãi thuế. Do đó Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo đối với hoạt động được hưởng ưu đãi. Thu nhập từ các hoạt động khác Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	19.555.522.265	20.690.268.658
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	2.204.481.313	2.054.137.297
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	1.400.871.031	1.585.517.491
Cộng	23.160.874.609	24.329.923.446

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác tài nguyên nước với mức thuế suất 1% trên sản lượng khai thác nước mặt và thuế suất 5% trên sản lượng khai thác nước ngầm. Giá tính thuế theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	6.465.839.231	8.452.238.885
Chi phí lắp đặt	3.094.602.823	2.525.709.329
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.497.553.043	2.060.954.809
Cộng	<u>14.057.995.097</u>	<u>13.038.903.023</u>

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan – Cục vô bình nước</i>		
<i>Doriv</i>	<i>12.030.000</i>	<i>5.970.000</i>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.942.405.381</i>	<i>11.887.788.223</i>
Phí bảo vệ môi trường	3.433.861.796	3.316.624.286
Phải trả tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng	2.034.416.320	2.034.416.320
Phí dịch vụ môi trường rừng	1.618.510.610	1.627.396.022
Kinh phí công đoàn	1.488.670.812	1.488.685.772
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	531.513.925	462.573.790
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.836.331.918	2.958.092.033
Cộng	<u>11.955.335.381</u>	<u>11.893.758.223</u>

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Di dời trạm bơm nước thô Biên Hòa	1.905.000.000	1.905.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	17.250.000	983.609.664
Cộng	<u>1.922.250.000</u>	<u>2.888.609.664</u>

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Vay****19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	42.035.880.515	181.159.896.810
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱ⁾	24.434.136.561	127.968.836.983
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	17.601.743.954	53.191.059.827
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	207.715.713.132	210.603.739.394
Cộng	249.751.593.647	391.763.636.204

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng.
- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	181.159.896.810	259.546.583.142	-	(398.670.599.437)	-	42.035.880.515
Vay dài hạn đến hạn trả	210.603.739.394	-	196.860.371.688	(198.668.830.036)	(1.079.567.914)	207.715.713.132
Cộng	391.763.636.204	259.546.583.142	196.860.371.688	(597.339.429.473)	(1.079.567.914)	249.751.593.647

19b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱ⁾	670.110.748.522	917.460.702.255
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	102.356.284.896	98.103.236.896
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	54.647.279.940	73.157.377.104
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ^(iv)	42.706.687.412	28.603.083.387
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	1.857.435.766	-
Cộng	871.678.436.536	1.117.324.399.642

- (i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 18 – 25 năm, thời gian ân hạn từ 05 – 08 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 – 10 năm, thời gian ân hạn từ 03 – 24 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh để đầu tư dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2 với lãi suất được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 25 năm, thời gian ân hạn 07 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.
- (iv) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để thanh toán các chi phí và giải ngân hoàn vốn để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	207.715.713.132	210.603.739.394
Trên 01 năm đến 05 năm	714.640.413.227	840.164.333.371
Trên 05 năm	157.038.023.309	277.160.066.271
Cộng	<u>1.079.394.149.668</u>	<u>1.327.928.139.036</u>

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	1.117.324.399.642
Số tiền vay phát sinh	64.729.097.227
Số tiền vay đã trả	(3.958.100.505)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(196.860.371.688)
Chênh lệch tỷ giá	(109.556.588.140)
Số cuối năm	<u>871.678.436.536</u>

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí sửa chữa tài sản cố định. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	940.190.000	-
Tăng do trích lập	12.000.000.000	940.190.000
Sử dụng trong năm	(12.940.190.000)	-
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>940.190.000</u>

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	29.200.131.570	17.964.101.720
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	28.619.449.211	23.567.512.159
Tăng khác	21.605.000	-
Chi quỹ	(10.665.196.318)	(12.331.482.309)
Số cuối năm	<u>47.175.989.463</u>	<u>29.200.131.570</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày tại Phụ lục đính kèm.

22b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ 2022 ngày 19 tháng 4 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	: 144.000.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 37.943.105.314
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý, điều hành	: 25.689.403.542

Ngoài ra, Công ty mẹ cũng tạm ứng cổ tức năm 2022 cho các cổ đông với số tiền 36.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 10 năm 2022.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 23.098,63 USD (số đầu năm là 23.098,63 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp nước	1.156.044.217.946	1.111.644.878.409
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	57.127.213.028	39.064.942.943
Doanh thu bán nước tinh khiết	3.012.510.237	4.694.668.056
Doanh thu khác	431.031.040	391.846.400
Cộng	<u>1.216.614.972.251</u>	<u>1.155.796.335.808</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	64.356.752.175	68.188.490.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	52.336.227.795	51.213.223.056
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	21.062.064.710	22.788.530.750
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	844.300.354	1.006.202.400
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	618.483.700	604.071.700
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	510.705.275	655.741.940
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	292.861.024	306.379.602
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	115.287.500	140.357.500
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	108.518.775	526.225.505
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	70.287.058	81.075.057
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	37.758.955	40.161.580
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	25.173.500	31.418.000
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	15.581.692	53.636.050
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	14.076.000	8.699.270
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	11.945.425	5.945.430
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	12.481.825	5.272.750

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn cung cấp nước	724.269.625.103	664.814.759.924
Giá vốn của dịch vụ lắp đặt	49.899.047.815	30.951.498.457
Giá vốn nước tinh khiết	2.232.523.149	3.459.644.569
Giá vốn khác	109.797.108	109.797.108
Cộng	<u>776.510.993.175</u>	<u>699.335.700.058</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	25.550.538.308	15.082.427.497
Cổ tức, lợi nhuận được chia	294.143.630	295.010.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.580.789.773	2.750.649.544
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	109.593.872.630	126.494.266.726
Cộng	<u>137.019.344.341</u>	<u>144.622.353.767</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	37.485.609.881	44.481.599.712
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	766.885.473	21.255.251
Cộng	<u>38.252.495.354</u>	<u>44.502.854.963</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	32.496.855.493	34.445.124.448
Chi phí vật liệu, bao bì	21.214.993.815	16.900.833.038
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	958.741.009	965.712.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.151.605.533	819.110.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.604.737.353	4.675.590.438
Các chi phí khác	7.877.056.199	7.893.603.598
Cộng	<u>68.303.989.402</u>	<u>65.699.974.682</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	44.085.841.847	42.953.304.855
Chi phí vật liệu quản lý	1.163.977.481	1.093.911.280
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.715.605.923	1.459.117.444
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.344.763.749	3.646.124.877
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	175.556.900	19.219.854
Thuế, phí và lệ phí	17.517.189	677.745.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.829.039.365	1.630.807.855
Các chi phí khác	12.250.813.520	10.874.839.375
Cộng	<u>66.583.115.974</u>	<u>62.355.070.919</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phí bảo vệ môi trường được trích sử dụng	5.099.461.653	4.868.355.053
Thu tiền phạt chậm hợp đồng	65.012.484	1.000.000.000
Thu cho thuê mặt bằng	444.060.000	254.000.000
Tiền thi công được tài trợ	-	3.446.259.119
Thu nhập khác	1.882.222.042	1.539.156.291
Cộng	<u>7.490.756.179</u>	<u>11.107.770.463</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý tài sản cố định	9.783.906	-
Phạt vi phạm hành chính	1.019.431.202	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	6.303.452
Chi phí sửa chữa trụ cứu hỏa	58.143.975	-
Chi phí bảo vệ môi trường	2.369.130.000	2.395.830.000
Chi phí khác	756.279.565	1.251.147.042
Cộng	<u>4.212.768.648</u>	<u>3.653.280.494</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	366.021.760.068	391.587.102.835
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(36.602.176.007)	(38.821.207.907)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	329.419.584.061	352.765.894.928
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	120.000.000	113.996.253
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.745</u>	<u>3.095</u>

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trong năm Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến việc giảm chi phí khấu hao, tăng tiền thuê đất và thuế thu nhập doanh nghiệp và cũng thực hiện rà soát lại toàn bộ bảng tính khấu hao tài sản cố định và điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến việc tăng chi phí khấu hao. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 3.065 VND lên 3.095 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.832.489.311	77.229.031.396
Chi phí nhân công	238.435.933.934	241.143.809.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	321.031.435.017	276.254.122.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.760.779.011	167.891.354.848
Chi phí khác	101.708.376.674	69.143.901.428
Cộng	<u>903.769.013.947</u>	<u>831.662.219.777</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty mẹ trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc	1.261.944.500	1.220.287.500
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1.539.728.000	1.488.035.000
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	1.265.088.000	1.135.907.000
Ông Nguyễn Văn Thiên	Phó Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Trần Trung Chiến	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	48.000.000	96.000.000
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc (mới bổ nhiệm)	88.440.000	-
Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	970.010.000	919.354.160
Cộng		5.461.210.500	5.147.583.660

Thu nhập của Ban Kiểm soát

Thù lao của Ban Kiểm soát và tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty mẹ trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Công Hiếu	Trưởng ban (đã miễn nhiệm)	389.303.500	946.086.500
Bà Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng ban (mới bổ nhiệm)	518.820.000	-
Bà Tăng Tô Vân	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Cộng		1.028.123.500	1.066.086.500

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1 – Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi		
Chi phí dịch vụ	189.170.785	568.639.593
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình		
Chi phí dịch vụ	7.677.168.130	12.133.368.554
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành		
Mua hàng hóa	-	13.090.909
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi		
Chi phí dịch vụ	5.000.000	781.875.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai		
Chi phí dịch vụ	-	3.431.127.322
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi		
Chi phí dịch vụ	14.900.000	-
Cổ tức được chia	199.978.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức		
Cổ tức được chia	95.010.000	95.010.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.13, V.14 và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn là cung cấp nước (chiếm đến 95,02% doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ). Toàn bộ doanh thu của Tập đoàn được tạo ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Điều chỉnh hồi tố

Trong năm Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến việc giảm chi phí khấu hao, tăng tiền thuê đất và thuế thu nhập doanh nghiệp. Ngoài ra Tập đoàn thực hiện rà soát lại toàn bộ bảng tính khấu hao tài sản cố định và thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến việc tăng chi phí khấu hao. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Tài sản dài hạn	200	3.060.507.240.814	686.179.661	3.061.193.420.475
Tài sản cố định hữu hình	221	2.546.827.695.937	686.179.661	2.547.513.875.598
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(2.441.969.840.548)	686.179.661	(2.441.283.660.887)
Tổng cộng tài sản	270	3.770.627.032.362	686.179.661	3.771.313.212.023
Nợ phải trả	300	1.726.644.726.658	67.052.151	1.726.711.778.809
Nợ ngắn hạn	310	599.761.962.263	67.052.151	599.829.014.414
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14.454.324.701	5.616.586.226	20.070.910.927
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18.588.437.098	(5.549.534.075)	13.038.903.023
Vốn chủ sở hữu	400	2.043.982.305.704	619.127.510	2.044.601.433.214
Vốn chủ sở hữu	410	2.043.982.305.704	619.127.510	2.044.601.433.214
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	530.802.302.248	619.127.510	531.421.429.758
Tổng cộng nguồn vốn	440	3.770.627.032.362	686.179.661	3.771.313.212.023

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Giá vốn hàng bán	11	702.922.823.143	(3.587.123.085)	699.335.700.058
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	452.868.556.965	3.587.123.085	456.455.680.050
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	420.019.639.679	3.587.123.085	423.606.762.764
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	427.474.129.648	3.587.123.085	431.061.252.733
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24.117.824.123	212.099.323	24.329.923.446
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	403.336.431.462	3.375.023.762	406.711.455.224
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	388.212.079.073	3.375.023.762	391.587.102.835

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất



Lợi nhuận trước thuế	01	427.474.129.648	3.587.123.085	431.061.252.733
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	279.841.245.690	(3.587.123.085)	276.254.122.605

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Hoàng Anh Phương
Người lập



Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng
Giám đốc



Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2023


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI


Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông		Đơn vị tính: VND
							không kiểm soát	Cộng	
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	18.764.721.167	26.218.693.500	(64.235.766.100)	93.575.720.084	308.129.152.788	106.794.548.858	1.489.247.070.297	
Tăng vốn trong năm trước	200.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	-	300.000.000.000	
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(244.563.348)	-	-	-	-	-	(244.563.348)	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	391.587.102.835	15.124.352.389	406.711.455.224	
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	27.639.991.191	(48.294.825.865)	(2.912.677.485)	(23.567.512.159)	
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(120.000.000.000)	(7.545.016.800)	(127.545.016.800)	
Số dư cuối năm trước	1.200.000.000.000	118.520.157.819	26.218.693.500	(64.235.766.100)	121.215.711.275	531.421.429.758	111.461.206.962	2.044.601.433.214	
Số dư đầu năm nay	1.200.000.000.000	118.520.157.819	26.218.693.500	(64.235.766.100)	121.215.711.275	531.421.429.758	111.461.206.962	2.044.601.433.214	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	366.021.760.068	12.476.012.724	378.497.772.792	
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	41.590.234.514	(68.793.043.554)	(1.416.640.171)	(28.619.449.211)	
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(180.000.000.000)	(7.545.013.560)	(187.545.013.560)	
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty	-	-	-	-	-	(7.888.059.864)	-	(7.888.059.864)	
Số dư cuối năm nay	1.200.000.000.000	118.520.157.819	26.218.693.500	(64.235.766.100)	162.805.945.789	640.762.086.408	114.975.565.955	2.199.046.683.371	


 Trần Hoàng Anh Phương
 Người lập


 Nguyễn Thu Oanh
 Kế toán trưởng


 Phạm Thị Hồng
 Giám đốc

